TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ...../2020/HNGÑ -ST
Ngày 14/9/2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;
2/. Ông Phan Văn C.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa:

1./ Nguyên đơn: Bà P H T, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp Tường Tư, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2./ Bị đơn: Ông N V Q, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp Tường Tư, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
(Bà T, ông Q có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn bà P H T trình bày: Bà với ông Q làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1985, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Về con chung, bà và ông có 03 người con chung tên N H T, sinh năm 1986, N H X, sinh năm 1989 và N H N, sinh năm 1993, các con đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà và ông Q không có tài sản chung; về nợ chung, bà và ông Q tự thỏa Tận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông N V Q.

Bị đơn ông N V Q có lời khai trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T về hôn nhân, ông, bà làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1985, có đăng ký kết

hôn vào ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Về con chung, có 03 người con chung tên N H T, sinh năm 1986, N H X, sinh năm 1989 và N H N, sinh năm 1993, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, không có tài sản chung; về nợ chung, ông và bà T tự thỏa Tận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ông Q không đồng ý ly hôn với bà T.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P H T, cho bà T được ly hôn với ông N V Q.

+ Về con chung: Bà T, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: bà T, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bà T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà P H T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N V Q tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T, ông Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt bà T, ông Q là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà P H T và ông N V Q đều xác định, bà và ông làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1985, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Q, về phía ông Q không đồng ý ly hôn với bà T với lý do còn thương bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu Tẫn về hôn nhân giữa bà T với ông Q là trầm trọng, ông Q cho rằng còn thương bà T nhưng ông không thực hiện các biện pháp hàn gắn hôn nhân làm cho đời sống chung giữa bà và ông không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, kết quả của những nguyên nhân đó dẫn việc bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Q; Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P H T, cho bà T được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Bà T và ông Q xác định, có 03 người con chung tên N H T, sinh năm 1986, N H X, sinh năm 1989 và N H N, sinh năm 1993, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc bà P H T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 *của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P H T; Cho bà P H T được ly hôn với ông N V Q.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản, nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc bà P H T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T số 0009469 ngày 09 tháng 7 năm 2020, được chuyển T án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Ông N V Q không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa Tận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nôi nhan:
- TAND tinh Bac Lieu
- VKSND huyen Phöôc Long
- Ñöông söi
- Ngöôi tham gia to tung khac
- Löu

Quách Thanh Tồn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số: ...../2020/HNGÑ -ST
Ngày 14/9/2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;
2/. Ông Phan Văn Chiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa:

1./ Nguyên đơn: Bà P H T, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp Tường Tư, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2./ Bị đơn: Ông N V Q, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp Tường Tư, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
(Bà T, ông Q có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn bà P H T trình bày: Bà với ông Q làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1985, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Về con chung, bà và ông có 03 người con chung tên N H T, sinh năm 1986, N H X, sinh năm 1989 và N H N, sinh năm 1993, các con đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà và ông Q không có tài sản chung; về nợ chung, bà và ông Q tự thỏa Tận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông N V Q.

Bị đơn ông N V Q có lời khai trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà T về hôn nhân, ông, bà làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1985, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Về con chung, có 03 người con chung tên N H T, sinh năm 1986, N H X, sinh năm 1989 và N H N, sinh năm 1993, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, không có tài sản chung; về nợ chung, ông và bà T tự thỏa Tận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ông Q không đồng ý ly hôn với bà T.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P H T, cho bà T được ly hôn với ông N V Q.

+ Về con chung: Bà T, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: bà T, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bà T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà P H T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N V Q tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T, ông Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt bà T, ông Q là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà P H T và ông N V Q đều xác định, bà và ông làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 1985, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Q, về phía ông Q không đồng ý ly hôn với bà T với lý do còn thương bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu Tẫn về hôn nhân giữa bà T với ông Q là trầm trọng, ông Q cho rằng còn thương bà T nhưng ông không thực hiện các biện pháp hàn gắn hôn nhân làm cho đời sống chung giữa bà và ông không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, kết quả của những nguyên nhân đó dẫn việc bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Q; Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P H T, cho bà T được ly hôn với ông Q.

[3] Về con chung: Bà T và ông Q xác định, có 03 người con chung tên N H T, sinh năm 1986, N H X, sinh năm 1989 và N H N, sinh năm 1993, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: Buộc bà P H T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 *của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P H T; Cho bà P H T được ly hôn với ông N V Q.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản, nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc bà P H T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T số 0009469 ngày 09 tháng 7 năm 2020, được chuyển T án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Ông N V Q không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa Tận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Tồn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/.Ông Trần Văn Phước;

2/.Ông Phan Văn Chiếu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 199/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn" giữa:

1./ Nguyên đơn: Bà P H T, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp Tường Tư, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2./ Bị đơn: Ông N V Q, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp Tường Tư, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 về tất cả các vấn đề như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 *của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P H T; Cho bà P H T được ly hôn với ông N V Q.

2/. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản, nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc bà P H T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T số 0009469 ngày 09 tháng 7 năm 2020, được chuyển T án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Ông N V Q không phải nộp án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa Tận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm dân sự công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Chiếu **Trần Văn Phước** **Quách Thanh Tồn**